TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 987/2024/DS-PT
Ngày 25 tháng 11 năm 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 809/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3119/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1988 (vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

2. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1962 (vắng mặt lúc tuyên án);

3. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà M, anh P: Ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975 (vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Nhà số G, ngõ B đường T, xóm A phố Q, quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là bà Ngô Thị T; bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/01/2021 của nguyên đơn Ngô Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngô Thị T và đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình làm ăn, bà T có cho bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hữu P vay các khoản vay và yêu cầu như sau:

1. Bà Ngô Thị T yêu cầu bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả lại bà số tiền vay gốc là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày hai bên thỏa thuận chốt lại ngày 20/4/2016 đến ngày 20/3/2023 là 83 tháng x 1,66%/tháng x 270.000.000đ = 372.006.000đ. Đối với khoản vay mượn này không có làm biên nhận. Nhưng phía bị đơn đã thừa nhận và đồng ý trả tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2020, 04/01/2021, 25/01/2021, 24/02/2021. Tổng cộng vốn và lãi là 642.006.000đ.

2. Bà Ngô Thị T yêu cầu bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả lại bà số tiền vay gốc 600.000.000đ vay vào ngày 06/10/2017, khi vay thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng đã đóng lãi được 31.000.000đ sau đó không đóng nữa. Phần vay này có làm biên nhận nợ. Tiền lãi yêu cầu tính theo quy định của pháp luật. Tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày 06/3/2023 là 64 tháng x 1,66% x 600.000.000đ = 637.440.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 1.237.440.000đ.

3. Bà Ngô Thị T yêu cầu bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả lại bà số tiền vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 22/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch); lãi suất theo quy định. Yêu cầu tính lãi từ ngày 24/8/2016 đến ngày 24/3/2023 là 79 tháng x 1,66%/tháng x 30.000.000đ = 39.342.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 69.342.000đ.

4. Bà Ngô Thị T yêu cầu bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả lại bà số tiền gốc vay 450.000.000đ và lãi 250.000.000đ (chốt lại theo biên nhận ngày 04/7/2016). Bà Nguyễn Thị Mộng T2 là người chốt lại tổng cộng 700.000.000đ; không yêu cầu tính lãi. Sau khi vay thì bà M, ông H, ông P và bà T2 có thỏa thuận chốt lại là trả mỗi tháng trả 10.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Nhưng thực tế không có trả mà phần nợ này không yêu cầu bà T2 trả. Mà yêu cầu bà M, ông H, anh P trả.

Nay bà T yêu cầu phía bị đơn trả tổng cộng các khoản vay gốc và lãi là: 2.648.788.000đ. Khấu trừ tiền bà M đã trả 31.000.000đ. Yêu cầu bà M, ông H, anh P trả bà T số tiền 2.617.788.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và đại diện bị đơn trình bày:

Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

1. Đối với khoản vay 270.000.000đ vay vào ngày 20/4/2016 là không có vay nên không đồng ý trả.

2. Đối với khoản tiền 600.000.000đ vay vào ngày 05/10/2017 với lãi suất 3,5% tháng, có thế chấp quyền sử dụng đất do ông P đứng tên, có đóng lãi được 09 tháng là 184.000.000đ (có giấy chốt nợ vào ngày 06/02/2019); còn nợ lại vốn là 600.000.000đ và đồng ý trả vốn nhưng không đồng ý trả lãi do đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Đối với khoản vay 30.000.000đ bà M không có vay. Sau khi có kết quả giám định thì chữ ký là của bà M thì bà M đồng ý trả vốn. Không đồng ý trả lãi do khoản vay này hết thời hiệu khởi kiện.

4. Đối với khoản vay 450.000.000đ và lãi 250.000.000đ. Tổng cộng là 700.000.000đ (thỏa thuận không tính lãi nữa) chốt vào ngày 04/7/2016. Bà M, ông H, ông P đồng ý trả. Theo giấy chốt nợ lập ngày 04/7/2016 thì có thỏa thuận mỗi tháng trả nguyên đơn 10.000.000đ. Phía bị đơn có trả được 23 tháng là 230.000.000đ tiền gốc; còn nợ 220.000.000đ + lãi 250.000.000đ. Tổng cộng là 470.000.000đ và đồng ý trả 470.000.000đ.

5. Phía bị đơn có yêu cầu phản tố số tiền 150.000.000đ vay vào ngày 06/6/2018. Mỗi ngày đóng lãi 1.500.000đ/ngày đóng từ ngày 06/6/2018 –

06/6/2020 tổng cộng là 730 ngày = 1.095.000.000đ. Ngày 06/6/2020, bị đơn trả gốc được 70.000.000đ có làm biên nhận; còn nợ gốc 80.000.000đ đóng lãi từ ngày 07/6/2020 đến 20/12/2020 là 193 ngày = 154.400.000đ (đóng mỗi ngày là 800.000đ/ngày). Đã đóng được 116.900.000đ. Từ ngày 21/12/2020 – 31/12/2020 đóng lãi được 5.800.000đ. Tổng cộng lãi đã đóng 1.217.700.000đ.

6. Yêu cầu phía nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền lãi đã đóng vượt theo quy định lãi suất 1,66%, cụ thể:

- Số tiền 150.000.000 tính từ ngày 06/6/2018 – 06/6/2020: 24 tháng (150.000.000đ x 1,66%/tháng x 24 tháng = 59.760.000đ);

- Số tiền 80.000.000đ tính từ ngày 07/6/2020 – 07/12/2022: 30 tháng (80.000.000đ x 1,66%/tháng x 30 tháng = 39.480.000đ);

Tổng cộng lãi: 99.240.000đ

7. Yêu cầu bà T hoàn lại số tiền lãi đã đóng vượt sau khi khấu trừ là:

Lãi đã đóng 1.217.700.000đ – 99.240.000đ = 1.118.460.000đ;

Trừ vào vốn bà M còn nợ bà T 80.000.000đ: 1.118.460.000đ – 80.000.000đ = 1.038.0460.000đ.

Yêu cầu bà T hoàn lại 1.038.460.000đ và trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171 tờ bản đồ số 3, diện tích 152m^2 tọa lạc ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Hữu P đứng tên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị T.

Buộc bị đơn Hồ Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả nguyên đơn bà Ngô Thị T số tiền: 2.617.788.000đ (Hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng). Trong đó vốn là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và lãi là 1.017.788.000đ (Một tỷ không trăm mười bảy triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng)

Buộc nguyên đơn Ngô Thị T có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1171 diện tích 152m^2 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Hữu P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả hết số tiền còn nợ nguyên đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại tiền lãi đã đóng thừa của bị đơn số tiền: 1.038.460.000đ (Một tỷ không trăm ba mươi tám triệu bốn trăm sáu chục ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khỏan 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/4/2023, bà Ngô Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 21/4/2023, bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Ngô Thị T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Văn T1 thống nhất trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu hoàn trả số tiền 1.038.460.000đ của bị đơn. Bởi lẽ, chữ ký trong giấy tay ghi 07T-6-2020 không phải chữ ký của bà Ngô Thị T; tờ giấy này chỉ thể hiện nội dung thống kê, không đề cập đến việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ngoài ra, giấy biên nhận tiền và giấy tay 07T-6-2020 không ghi cụ thể ngày, tháng, năm. Theo Kết luận giám định số 9140/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, chữ viết "1.500.000đ (1 ngày)" tại hàng số 3 và số 4 không được Cơ quan giám định xác định là đủ cơ sở kết luận chữ viết nêu trên có cùng thời điểm viết với toàn bộ phần chữ viết còn lại trong tờ biên nhận hay không. Như vậy có cơ sở kết luận rằng tờ biên nhận này đã bị chỉnh sửa, ghi thêm. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả xong tiền lãi đối với các khoản 1.500.000đ/ngày và 800.000đ/ngày; trường hợp bà T công nhận giấy biên nhận này thì bị đơn vẫn còn thiếu bà T 80.000.000đ tiền nợ gốc.

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với khoản vay 30.000.000đ và khoản vay 270.000.000đ; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không buộc nguyên đơn phải hoàn trả lại số tiền lãi đóng thừa là 1.038.460.000đ.

Bị đơn bà Hồ Thị M và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Huỳnh Thiên S thống nhất trình bày: Bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn. Trong tờ biên nhận có chữ viết "1.500.000đ (1 ngày)" là dòng chữ được ông Nguyễn Hữu P dùng một cây bút khác màu mực viết thêm với mục đích xác nhận lại việc đã trả lãi cho bà Ngô Thị T cùng thời điểm bà T ký vào giấy biên nhận. Giấy biên nhận nêu trên và giấy tay 07T-6-2020 được lập cùng một ngày

và có liên quan đến nhau; theo đó, giấy tay 07T-6-2020 thể hiện nội dung thống kê các khoản tiền mà bị đơn đã trả cho bà T. Trong ba giấy biên nhận tương ứng với ba khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn, bà T đã đọc, đồng thời đồng ý ký tên và xác nhận rằng việc bị đơn đã trả lãi cho mình. Đối với khoản vay 30.000.000đ, bị đơn đồng ý trả tiền nợ gốc nhưng không đồng ý trả lãi vì khoản tiền này đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Bên cạnh đó, bị đơn chỉ đồng ý trả lại số tiền vay gốc là 270.000.000đ được ghi nhận trong biên bản hòa giải ngày 23/12/2020 do Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long lập, không đồng ý trả tiền lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Văn H: Đối với khoản tiền vay 270.000.000đ không có biên nhận và không ghi rõ ràng về thời hạn vay, phần trăm (%) lãi suất. Tại biên bản hoà giải ngày 24/8/2022, bị đơn không đồng ý trả số tiền 270.000.000đ cho nguyên đơn vì bị đơn cho rằng không có khoản vay này. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hoà giải, biên bản đối chất, đơn yêu cầu phản tố thì bị đơn đều thừa nhận có vay nguyên đơn số tiền 270.000.000đ và đồng ý trả số tiền này. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn hoàn trả 270.000.000đ tiền nợ gốc cho nguyên đơn là có căn cứ. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ 20/4/2016 đến ngày 20/3/2023 là 83 tháng x 1,66%/tháng x 270.000.000đ = 372.006.000đ.

Đối với khoản vay 30.000.000đ theo biên nhận ngày 22/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch), bị đơn cho rằng khoản vay đã hết thời hiệu khởi kiện nên chỉ đồng ý trả tiền vốn không đồng ý trả lãi. Trong suốt quá trình nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không thừa nhận có vay khoản tiền này. Tuy nhiên, căn cứ vào quyết định giám định số 2830/KL – KTHS ngày 24/5/2022 của Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh Bộ C xác định: *"chữ ký dưới chữ viết "Hồ Thị M" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Hồ Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M13 là do cùng một người ký ra"*. Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 24/8/2016 dương lịch đến ngày 24/3/2023 dương lịch là 79 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng. Lãi suất được tính như sau: Số tiền 30.000.000đ x 79 tháng x 1,66%/tháng = 39.342.000đ là có căn cứ.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị M và ông Nguyễn Văn H không có căn cứ để chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Ngô Thị T: Biên nhận (bút lục số 57, 58) thể hiện bà M có vay và đóng lãi cho bà T. Việc giao nhận số tiền lãi hàng ngày không được chứng minh cụ thể, rõ ràng nhưng theo nội dung biên bản giao nhận thể hiện thì bà M có trả tiền vay và đóng lãi. Bà T không thừa nhận mình nhận số tiền bà M đã trả từ khoản vay này nhưng bà T không có tài liệu gì để chứng minh. Bên cạnh đó, bà T thừa nhận chữ ký và chữ viết trên 2 giấy biên nhận là của mình nhưng bà T không biết gì về nội dung mà bà M ghi trong hai biên nhận này là không có căn cứ. Như vậy, có căn cứ để chứng minh việc vay số tiền 150.000.000đ vượt lãi suất quy định. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tính lại lãi suất đã đóng vượt để khấu trừ là có cơ sở. Sau khi khấu trừ thì nguyên đơn phải hoàn lại số tiền lãi đã đóng vượt cho bị đơn là 1.128.597.000đ. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 80.000.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn. Sau khi khấu trừ vào tiền lãi thì nguyên đơn phải hoàn lại cho bị đơn số tiền lãi đã đóng vượt là 1.048.597.000đ. Tuy nhiên để đảm bảo không vượt quá yêu cầu phản tố của bị đơn thì Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chỉ yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền 1.038.460.000đ là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mộng T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi 1.038.460.000 đồng theo Biên nhận (bút lục 57).

Biên nhận (bút lục 57) thể hiện nội dung: *"Tôi Hồ Thị M có mượn của Ngô Thị T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu) nhận tiền ngày 06-06-*

2018 đã trả lãi đủ 1.500.000đ (1 ngày) đến ngày 06-06-2018 đã trả đủ 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) còn lại 80.000.000đ gốc (tám mươi triệu đồng) đóng lãi mỗi ngày là 800.000 (tám trăm nghìn đồng) từ ngày 07/06/2020 đến nay".

Bên cạnh đó, tại bút lục số 58, dòng thứ nhất ghi "07 T-6-2020" có nội dung: Thiếu tiền gốc 80 triệu 1 ngày đóng lãi 800.000đ cho 1 ngày đóng đến 20-T-12-2020 ra 193 ngày x 800.00đ thành tiền lãi là 154.400.000đ trả được 116 triệu 900.000đ còn cù lãi lại 37.800.000đ, nội dung này bà T có ký tên và theo Bút lục 58A cũng không thể hiện rõ ràng việc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi 800.000đ/ngày.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ chữ ký "Thảo" và chữ viết "Ngô Thị Thảo" của nguyên đơn trên Biên nhận này (tại bút lục số 57) để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tính lại lãi suất đã đóng vượt để khấu trừ nợ. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc nguyên đơn hoàn lại tiền lãi đã vượt là 1.038.460.000 đồng.

Bà T trình bày bà không cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, việc hai bên ký kết biên nhận nhằm mục đích để bị đơn xin tiền người nhà trả nợ, hai bên không giao nhận bất kỳ khoản tiền nào. Thực tế, bị đơn vay nhiều khoản tiền nhưng không có khả năng trả lãi nên không có việc bị đơn đã trả cho bà số tiền lãi là 1.038.460.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/6/2024, phía nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ viết trên biên nhận (bút lục 57).

Ngày 16/7/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 1816/2024/QĐ-TCGĐ yêu cầu giám định chữ viết có nội dung "1.500.000đ (1 ngày)" tại hàng số 3 và số 4 Biên nhận có cùng thời điểm viết và cùng màu mực với toàn bộ phần chữ viết còn lại hay không?

Theo Kết luận giám định số 9140/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận về đối tượng giám định như sau:

"1. Chữ viết có nội dung "1.500.000đ (1 ngày)" tại hàng số 3 và số D, chữ viết có nội dung "gốc" tại đầu và cuối hàng số 5 trên tài liệu cần giám định... không cùng màu mực với toàn bộ phần chữ viết còn lại.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết có nội dung "1.500.000đ (1 ngày) tại hàng số 3 và số 4 trên tài liệu cần giám định... có cùng thời điểm viết với toàn bộ phần chứ viết còn lại hay không"

Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần phải hủy bản án

sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Khi giải quyết lại vụ án, Toà án cấp sơ thẩm cần làm rõ chữ viết "1.500.000đ (1 ngày) tại hàng số 3 và số 4 trên Biên nhận (bút lục 57) là do ai viết? Tại sao chữ viết này lại không cùng màu mực với toàn bộ chữ viết còn lại? Thời gian, địa điểm lập biên nhận? Việc cho vay số tiền 150.000.000đ này có người làm chứng không? Bị đơn có cung cấp được tài liệu nào khác chứng minh giao dịch vay mượn này cũng như việc trả lãi từ ngày 06/6/2018 đến ngày 20/12/2020 không? Trên cơ sở Kết luận giám định cùng các chứng cứ khác, Toà án cần xem xét, đánh giá giá trị pháp lý của Biên nhận (bút lục 57) để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay 270.000.000 đồng:

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2016 đến ngày 20/3/2023, lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại Biên bản hoà giải ngày 24/8/2022, bị đơn không đồng ý trả 270.000.000 đồng với lý do bị đơn không vay số tiền này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ biên bản phiên toà sơ thẩm, bị đơn đồng ý trả số tiền 270.000.000 đồng và khai nhận đây là tiền lãi nhiều lần cộng lại, không phải tiền nợ gốc.

Toà án cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, việc buộc bị đơn trả tiền lãi từ ngày 20/4/2016 đến ngày 20/3/2023 là chưa đảm bảo quyền lợi của bị đơn. Bởi lẽ, việc vay mượn giữa các bên không lập thành văn bản, không có thoả thuận rõ ràng về thời hạn vay, lãi suất vay. Bị đơn cũng không thừa nhận việc vay tiền từ ngày 20/4/2016. Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện là thiếu căn cứ. Khi xét xử lại vụ án, Toà án cần tiến hành đối chất giữa các bên để xác định thời hạn chậm trả, từ đó buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo Biên nhận ngày 22/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch).

Trong suốt quá trình vay và đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện phía bị đơn vẫn không thừa nhận có khoản vay này. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 2830/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của P1 Bộ C cho thấy: "Chữ ký dưới chữ viết "Hồ Thị M" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên

Hồ Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ MI đến M13 là do cùng một người ký ra". Mặt khác, phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thừa nhận có vay, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Hồ Thị M cùng ông H, ông Hữu P trả nguyên đơn tiền gốc và lãi là có căn cứ, cụ thể: Số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đã vay theo Biên nhận ngày 22/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2016 dương lịch). Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 24/8/2016 dl - 24/3/2023dl là 79 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng. Lãi suất được tính như sau: Số tiền 30.000.000 x 79 tháng X 1,66%/tháng = 39.342.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là: 30.000.000đ + 39.342.000đ = 69.342.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[3] Xét thấy, do có tình tiết chưa được làm rõ tại mục [2.1] và [2.2] mà cấp xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo nhận định tại mục [2.1] và [2.2].

Bác kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay 30.000.000đ.

Chấp nhận một phần quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã đề nghị.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn không kháng cáo khoản vay đối với số tiền 600.000.000đ gốc và lãi là 606.440.000đ; khoản vay đối với số tiền 450.000.000đ gốc và lãi là 250.000.000đ mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả cho nguyên đơn cũng như kháng cáo của bị đơn đối với khoản vay 30.000.000đ và lãi là 39.342.000đ không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị M được miễn, ông Nguyễn Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.757.820đ.

Đối với phần bản án sơ thẩm bị hủy: Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Ngô Thị T, ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị M không phải chịu.

Chi phí giám định ở cấp phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị T phải chịu chi phí giám định với số tiền 3.000.000 đồng; ghi nhận đã thực hiện xong.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 và khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 157, Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị M, ông Nguyễn Hữu P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với khoản vay 30.000.000đ.

Buộc bị đơn Hồ Thị M, Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu P phải trả cho nguyên đơn Ngô Thị T số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất là 39.342.000đ (30.000.000đ x 79 tháng X 1,66%/tháng). Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là: 30.000.000đ + 39.342.000đ = 69.342.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khỏan 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

3.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị M được miễn, ông Nguyễn Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.757.820đ.

3.2/ Đối với phần bản án sơ thẩm bị hủy: Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H1 lại cho bà Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000407 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị M được miễn theo quy định.

Chi phí giám định ở cấp phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị T phải chịu chi phí giám định với số tiền 3.000.000 đồng; ghi nhận đã thực hiện xong.

4/ Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu: 25b (NTCL);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp